

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
2. Số giấy phép: **50/GCN-UBCK**
3. Loại hình Quỹ: **Quỹ mở**

4. Ngày đăng ký với UBCKNN:

5. Thời hạn hiệu lực:

6. Thông cáo nội dung sau:

"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / / ."

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ liên lạc của người phụ trách công bố thông tin.

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Hải
- Chức vụ: Phụ trách bộ phận Quản lý danh mục
- Địa chỉ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)
Tầng 5, số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3928 9589

Fax: (84-24) 3928 9590

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính:

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 5, số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3928 9589 Fax: (84-24) 3928 9590
- Website: <http://www.baovietfund.com.vn>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	1
2. Ngân hàng Giám sát	1
II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA.....	1
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	4
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	4
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam	5
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	7
1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	7
1.1. Thông tin cơ bản	7
1.2. Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	7
1.3. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	7
1.4. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	7
1.5. Giới thiệu về Quản lý danh mục	12
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	13
2.1. Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.....	13
2.2. Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:	15
2.3. Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý	13
2.3.1. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)	15
2.3.2. Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)	15
2.3.3. Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)	16
2.3.4. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt (BVPF)	16
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	16
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	17
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ:	17
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	17
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	17
1. Thông tin chung về Quỹ	17
2. Điều lệ quỹ cập nhật	18
2.1. Các điều khoản chung	18

2.1.1.	Tên và địa chỉ liên hệ.....	18
2.1.2.	Thời hạn hoạt động của Quỹ:	18
2.1.3.	Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	18
2.1.4.	Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	19
2.1.5.	Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	19
2.1.6.	Công ty Quản lý Quỹ	19
2.1.7.	Ngân hàng Giám sát.....	20
2.1.8.	Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư.....	20
2.2.	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế	20
2.2.1.	Mục tiêu đầu tư.....	20
2.2.2.	Chiến lược đầu tư	20
2.2.3.	Các hạn chế đầu tư	22
2.2.4.	Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	24
2.2.5.	Phương pháp lựa chọn đầu tư	24
2.2.6.	Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng.....	25
2.3.	Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư.....	26
2.3.1.	Nhà đầu tư	26
2.3.2.	Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	26
2.3.3.	Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quỹ	27
2.3.4.	Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư	28
2.3.5.	Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ	28
2.4.	Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	30
2.4.1.	Quy trình nhận lệnh bán	30
2.4.2.	Quy trình nhận lệnh mua	31
2.4.3.	Quy trình nhận lệnh chuyển đổi	32
2.4.4.	Hủy lệnh giao dịch	32
2.4.5.	Hoàn trả tiền.....	33
2.4.6.	Chương trình đầu tư định kỳ.....	33
2.4.7.	Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch.....	33

2.5.	Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	35
2.5.1.	Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ	35
2.5.2.	Hình thức công bố thông tin về giá giao dịch:	36
2.5.3.	Thông tin về các mức giá dịch vụ:	36
2.6.	Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả	36
2.6.1.	Giá dịch vụ quản lý quỹ	36
2.6.2.	Giá dịch vụ lưu ký, giám sát.....	37
2.6.3.	Giá dịch vụ quản trị quỹ	37
2.6.4.	Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	38
2.6.5.	Các chi phí khác phù hợp với quy định pháp luật	38
2.7.	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	38
2.7.1.	Phương pháp xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ	38
2.7.2.	Chính sách thuế	39
2.8.	Đại hội Nhà đầu tư	39
2.8.1.	Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường	39
2.8.2.	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	40
2.8.3.	Thế thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư	41
2.8.4.	Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	43
2.9.	Ban Đại diện Quỹ	43
2.9.1.	Tổ chức Ban Đại diện Quỹ	43
2.9.2.	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ	44
2.9.3.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ.....	45
2.9.4.	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	45
2.9.5.	Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	46
2.9.6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ	46
2.9.7.	Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện Quỹ.....	46
2.9.8.	Biên bản họp Ban đại diện Quỹ	47
2.10.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	47
2.10.1.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	47
2.10.2.	Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ.....	47

2.10.3.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ	48
2.10.4.	Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ	49
2.11.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát	49
2.11.1.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát.....	49
2.11.2.	Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát	49
2.11.3.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát.....	51
2.12.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	51
2.12.1.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán	51
2.12.2.	Năm tài chính	52
2.12.3.	Chế độ kế toán	52
2.12.4.	Báo cáo tài chính.....	52
2.12.5.	Báo cáo khác.....	52
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	52
3.1.	Rủi ro thị trường	52
3.2.	Rủi ro lãi suất.....	52
3.3.	Rủi ro lạm phát	52
3.4.	Rủi ro thanh khoản	52
3.5.	Rủi ro pháp lý	52
3.6.	Rủi ro tín nhiệm	53
3.7.	Rủi ro xung đột lợi ích.....	53
3.8.	Rủi ro đối với tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi)	53
3.9.	Rủi ro cá biệt	53
3.10.	Rủi ro khác	53
4.	Các thông tin đầu tư khác (tham khảo chi tiết tại Điều lệ và website)	53
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	53
1.	Căn cứ pháp lý.....	53
1.1.	Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/10/2013. ...	53
1.2.	Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2014.	53
2.	Phương án phát hành lần đầu.....	53

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu.....	56
3.1. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường	56
3.2. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):.....	58
4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch.....	60
4.1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng	60
4.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	60
4.3. Công bố giá trị tài sản ròng.....	60
5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư	60
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	60
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	66
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	66
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	67
XV. CAM KẾT.....	67
Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	68
Phụ lục 1. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch.....	69
Phụ lục 2. Các mẫu phiếu đăng ký mua, bán, giao dịch.....	74
Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED.....	78
Phụ lục 5. Giá dịch vụ lưu ký giám sát và Giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền	82
Phụ lục 6: Điều lệ quỹ BVFED.....	114

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Phạm Ngọc Sơn | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| - Ông Nguyễn Thừa Nhật | Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc |
| - Ông Đặng Chí Nghĩa | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu được nêu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với các thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trí Thanh - Trưởng Trung tâm dịch vụ khách hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Theo Giấy ủy quyền số 1100/UQ-VCB-TTĐVKH ngày 26/07/2024 của Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và dữ liệu do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

- | | |
|-----------------------|---|
| "Quỹ" | Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (<i>BVFED</i>), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ. |
| "Công ty Quản lý Quỹ" | Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (<i>BVF</i>) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| "Ngân hàng Giám sát" | Là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 02/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. và Quyết định hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003 cung cấp các |

dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quý; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý đồng thời giám sát hoạt động của Quý; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quý do Công ty Quản lý Quý thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 42 Điều lệ Quý (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quý ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.

“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán cho Quý được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt.
“Đại lý phân phối”	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quý được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quý và pháp luật có liên quan
“Điều lệ Quý”	Là Điều lệ của Quý Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Bản cáo bạch”	Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Hợp đồng giám sát”	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quý.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quý.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quý. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quý.
“Ban Đại diện Quý”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quý, Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quý lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quý.

"Chứng chỉ Quỹ đầu tư "	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Quỹ.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ (Ngày T).
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Chỉ số VN30"	Là chỉ số được xây dựng trên cơ sở 30 cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05/01/2012 của Sở Giao

dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30.

“Rổ cổ phiếu VN30”	Là danh mục cổ phiếu đầu tư vào các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 với mục đích mô phỏng vận động của chỉ số VN30.
“Luật Chứng khoán”	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.
“UBCKNN”	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Sau khi dịch Covid-19 kết thúc, kinh tế thế giới lại tiếp tục đối mặt với những yếu tố rủi ro mới, điển hình là quá trình suy giảm kinh tế toàn cầu do hệ quả từ cuộc chiến chống lạm phát và cuộc xung đột Nga – Ukraine với sự liên quan từ cả các nước đồng minh của hai bên... Là một thành phần của kinh tế thế giới với độ mở cao, Việt Nam không thể tránh khỏi tác động tiêu cực từ các yếu tố kể trên. Mặc dù vậy, với các động lực mang tính nền tảng dài hạn, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ vẫn đảm bảo được sự ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực so với các nền kinh tế có trình độ phát triển tương đồng trên thế giới trong giai đoạn 2023 - 2025. Các động lực cho sự ổn định và phát triển của kinh tế Việt Nam có thể kể đến như sau:

- **Tiếp tục mở cửa và hội nhập:** Mặc dù các mối quan hệ kinh tế – thương mại trên thế giới trong giai đoạn tới vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất định nhưng xu hướng mở cửa và hội nhập vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng đối với Việt Nam. Trong đó, các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP không chỉ hỗ trợ đẩy mạnh quá trình tự do hóa hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu mà còn góp phần cải thiện khuôn khổ pháp lý về chính sách thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử... qua đó tạo điều kiện cho Việt Nam hoàn thiện thể chế để cạnh tranh công bằng.
- **Tận dụng nhu cầu trong nước:** Lợi thế của Việt Nam là cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng mạnh với thói quen chi tiêu rộng rãi sẽ là động lực quan trọng của nền kinh tế. Trong bối cảnh nhu cầu trên thế giới suy giảm do kinh tế khó khăn, Việt Nam vẫn có nhiều điều kiện thuận lợi để duy trì hoạt động sản xuất, kích cầu đầu tư, tiêu dùng nội địa nhằm ổn định và phát triển kinh tế.
- **Phát triển kinh tế tư nhân và chọn lọc FDI:** Với những điều kiện phù hợp về vị trí địa lý và chi phí nhân công, Việt Nam là một trong những điểm đến hứa hẹn cho chiến lược “Trung Quốc +1” của các nước phát triển. Đây là cơ hội để gia tăng chuỗi giá trị hoạt động sản xuất theo hướng nâng cao công nghệ, kinh tế số. Nếu như thu hút vốn FDI trong các thập niên trước mang nhiều tính “lượng” thì giai đoạn hiện tại sẽ tập trung vào “chất” với ưu tiên các ngành công nghiệp, công

nghe với tính lan tỏa lớn nhằm thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân trong nước, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao giá trị sản xuất tại Việt Nam.

- **Đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống quản trị:** Vốn đầu tư công trong giai đoạn tới sẽ được giải ngân mạnh mẽ nhằm nâng cấp hệ thống giao thông, logistics... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số và cải cách hệ thống quản trị quốc gia cũng vô cùng quan trọng để giúp Việt Nam thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình”.

Ngoài các yếu tố thuận lợi kể trên, thách thức đối với Việt Nam là phải giám sát chặt chẽ và có biện pháp phù hợp để ứng phó kịp thời với những biến động tiêu cực của kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, ngân sách cho đầu tư ở cả khu vực nhà nước và tư nhân đều chủ yếu dựa trên vay nợ, thâm hụt ngân sách và nợ công đều tăng, tiềm ẩn rủi ro tài chính lớn.

Dự báo một số chỉ tiêu vĩ mô

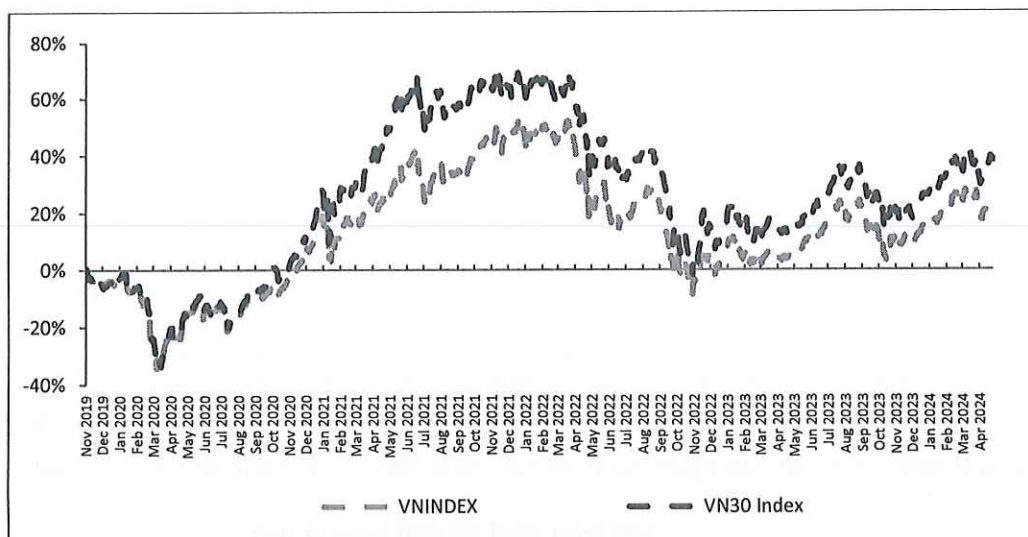
Chỉ tiêu kinh tế	G/đoạn 2016-2019	G/đoạn 2021- 2025
Tăng trưởng GDP trung bình	6,78%	6,0% – 6,5%
Tốc độ tăng CPI	3,65%	4% – 5%
Tổng VĐT toàn xã hội/GDP	33,4%	33% -35%
Nợ công so với GDP	59,6%	< 60%
Tăng trưởng tín dụng bình quân	15,74%	10% - 15%

Nguồn: BVF tổng hợp và dự báo

Các chính sách tiền tệ và tài khóa trong giai đoạn tới được dự báo tiếp tục có sự kết hợp hài hòa vì mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, phục hồi sản xuất kinh doanh. Cụ thể, chính sách tiền tệ tiếp tục định hướng giảm lãi suất, đảm bảo thanh khoản cho ngân hàng và doanh nghiệp, thận trọng trong hoạt động điều hành ngoại hối. Về chính sách tài khóa, hoạt động đầu tư công và các gói hỗ trợ tài khóa được tiếp tục cùng quá trình phục hồi kinh tế, thâm hụt ngân sách và nợ công đều sẽ tăng nhưng dự báo không vượt trần (65% GDP).

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam

Không nằm ngoài diễn biến chung của thị trường chứng khoán thế giới (TTCK), TTCK Việt Nam đã chứng kiến một số thời điểm có biến động mạnh trong vài năm trở lại đây. Mặc dù vậy, xét về dài hạn, TTCK Việt Nam vẫn là một kênh đầu tư hiệu quả không chỉ cho nhà đầu tư trong nước mà còn cho nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, xu hướng tăng điểm dài hạn của TTCK vẫn được giữ vững kể từ khi thành lập đến nay, quy mô thị trường cũng như số lượng hàng hóa và nhà đầu tư tăng dần qua từng giai đoạn.



Nguồn: Bloomberg, UBCKNN

Trong giai đoạn sắp tới, TTCK Việt Nam đã sẵn sàng cho một giai đoạn tăng trưởng mới với nhiều yếu tố hỗ trợ quan trọng, cụ thể như sau:

- Như đã đề cập tại phần trên, với các động lực mang tính nền tảng dài hạn, kinh tế vĩ mô của Việt Nam đủ sức chống chịu với những rủi ro của kinh tế thế giới và có thể phục hồi nhanh chóng khi kinh tế thế giới ổn định trở lại. Kinh tế phục hồi kèm theo đó là hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp là nền tảng quan trọng nhất để TTCK tăng trưởng bền vững.
- Luật Chứng khoán năm 2019 được thông qua đã tạo điều kiện cho việc hoàn thiện khung pháp lý trên TTCK. Nhìn chung, Luật Chứng khoán hiện hành cùng với các văn bản hướng dẫn đã bao quát được toàn diện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Ngoài việc hoàn thiện khung pháp lý, các cơ quan quản lý nhà nước đã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát trên TTCK nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi làm ảnh hưởng tới lợi ích của nhà đầu tư, góp phần củng cố niềm tin trên thị trường.
- TTCK Việt Nam đã thu hút được cơ sở nhà đầu tư đa dạng, bao gồm nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư chuyên nghiệp ở cả trong nước và nước ngoài. Tính đến hết tháng 01/2023, số tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước đạt khoảng 6,9 triệu tài khoản, tương đương khoảng 6,9% dân số, vượt xa mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra là 5% dân số có tài khoản đầu tư chứng khoán vào năm 2025. Hiện tại, TTCK đang dần trở thành kênh đầu tư chính của nhiều nhà đầu tư bên cạnh các kênh đầu tư truyền thống như tiền gửi, BĐS, vàng... Với tốc độ như hiện tại, tỷ lệ tài khoản chứng khoán tính trên tổng dân số có thể đạt mức 10% vào năm 2030, tương tự như tại các thị trường phát triển. Ngoài nhà đầu tư trong nước, TTCK Việt Nam đã và đang trở thành điểm đến của nhiều quỹ đầu tư nước ngoài, điển hình là các quỹ đầu tư ETF.
- TTCK Việt Nam hoàn toàn có khả năng được nâng hạng trong tương lai gần qua đó thu hút thêm dòng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài. Với định hướng của Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Tài chính, UBCKNN đã phối hợp với các thành viên tham gia thị trường tiến hành các công việc chuẩn bị để TTCK đáp ứng đủ điều kiện được nâng hạng từ cận biên lên mới nổi. Dựa trên các tiêu chí mà các tổ chức xếp hạng đặt ra, Việt Nam đã đạt được nhiều tiêu chí quan trọng và sẽ phấn đấu hoàn thành

hết các tiêu chí trong giai đoạn 2023 – 2025. Trường hợp được nâng hạng thành công, quy mô và thanh khoản của TTCK Việt Nam có thể thuộc top đầu các TTCK trong khu vực Asean.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên công ty:	Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. Viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
- Trụ sở chính:	Tầng 5, số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ VPĐD	Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
- Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
- Điện thoại:	(84-24) 3 928 9589
- Fax	(84-24) 3 928 9590
- Website:	http://www.baovietfund.com.vn

1.2. Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

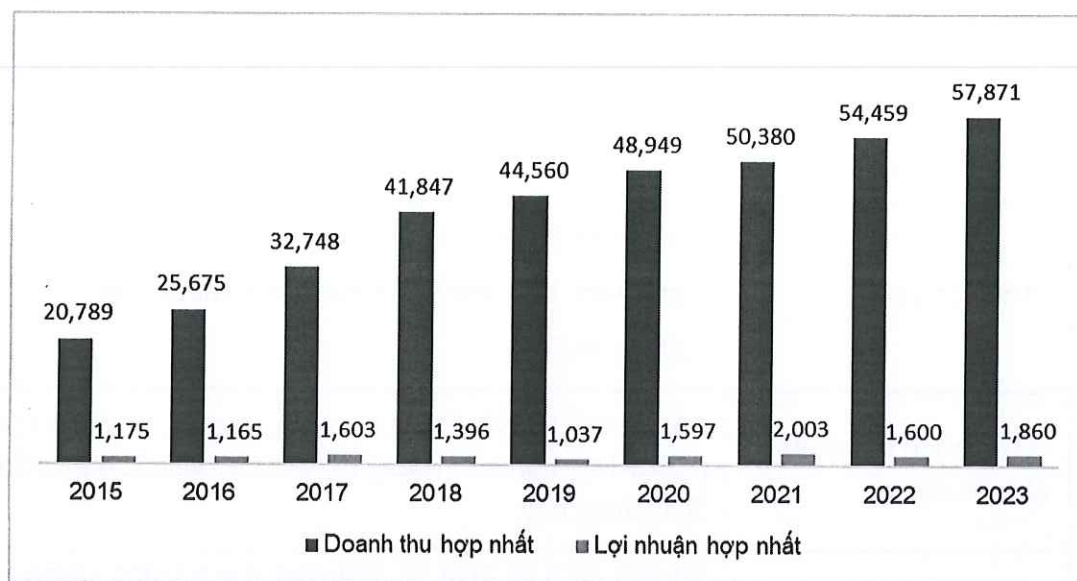
Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (Bảo Việt) đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Vị thế khác biệt và vượt trội:

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với gần 60 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm với gần 280.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 200 chi nhánh, hơn 1.000 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đầu thị trường về lĩnh vực bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 11.752 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 44.714 tỷ đồng năm 2023.

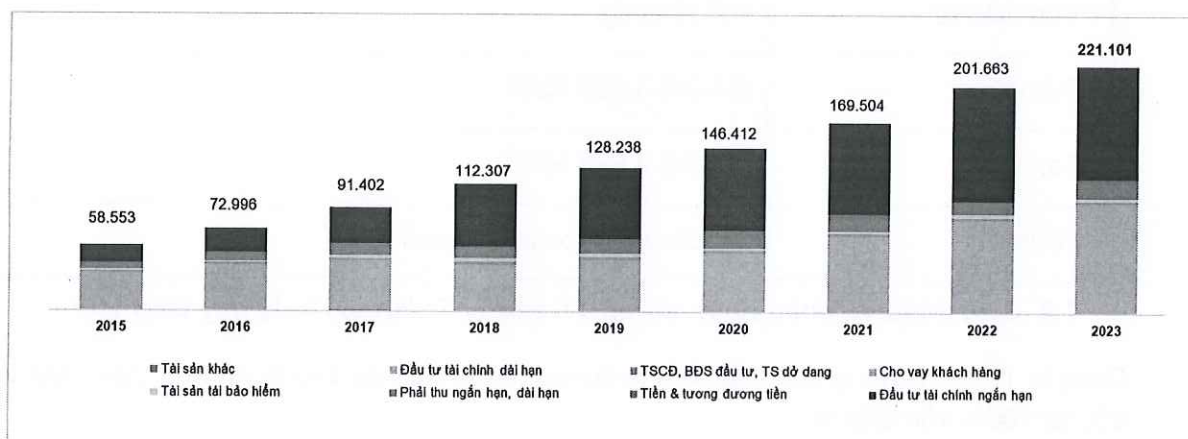
Tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giai đoạn 2015 - 2023

Đơn vị: tỷ đồng



Tài sản hợp nhất giai đoạn 2015 – 2022

Đơn vị: tỷ đồng



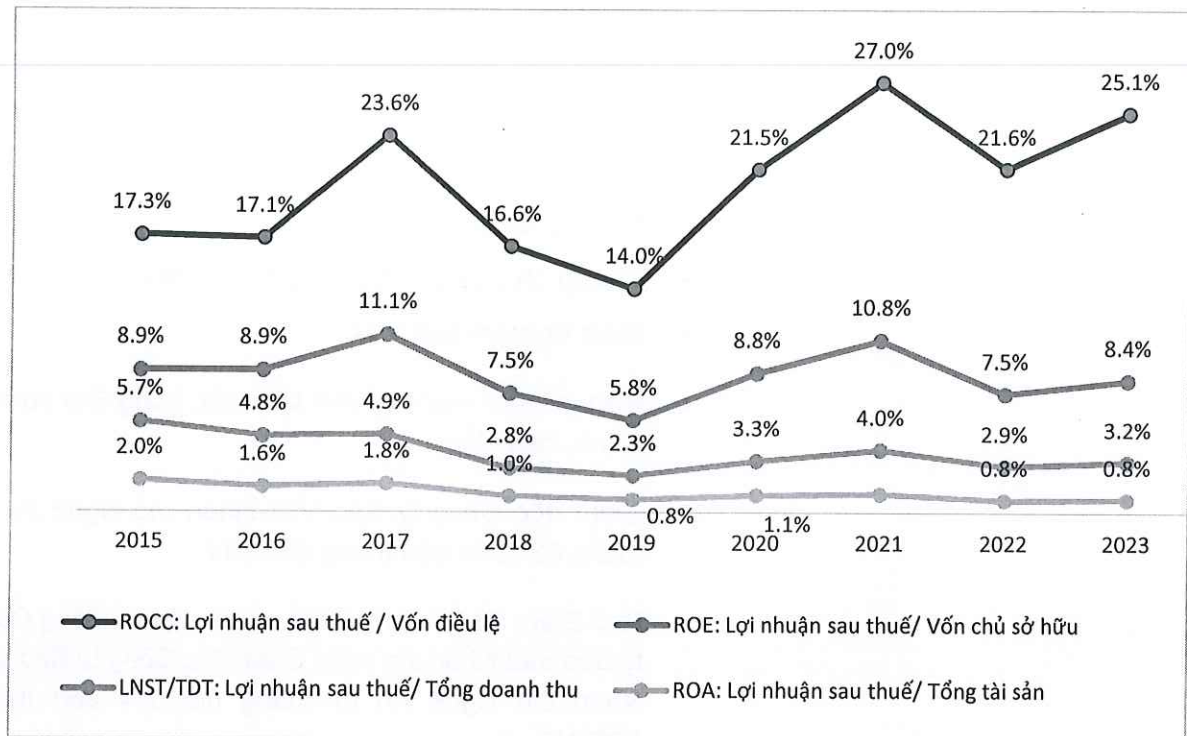
Nguồn: BCTC hợp nhất BVH, BVF Tổng hợp

- *Tiềm năng tăng trưởng lớn:*

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, Bảo Việt vẫn duy trì khả năng sinh lời ở mức khả quan.

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



Nguồn: BCTC hợp nhất BVH, BVF Tổng hợp

ƯU THẾ CẠNH TRANH CỦA BẢO VIỆT

- Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam;
- Tập đoàn bảo hiểm tài chính quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam;
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng và được biết đến rộng rãi trên khắp cả nước;
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm;
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng;
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng;
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được;

1.3. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Phạm Ngọc Sơn

Chủ tịch HĐQTV

• **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Thu ngân sách – Học viện Tài chính.
- Cử nhân Trung cấp chính trị - Chính trị Nghệ An.
- Cử nhân Cao cấp lý luận chính trị - Học viện hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
- Chứng chỉ LOMA – Bảo hiểm nhân thọ

• **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 32 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 03/2004 đến tháng 06/2014.
- Phó Giám đốc khối Phát triển kinh doanh, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 06/2014 đến tháng 01/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 01/2015 đến tháng 09/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 10/2015 đến tháng 09/2016.
- Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 09/2016 đến nay.

Ông Nguyễn Xuân Việt

Thành viên HĐQTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – văn bằng 2 – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Chứng chỉ Học viên sĩ quan dự bị – Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Phòng Không.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

từ tháng 5/2015 đến tháng 01/2018.

- Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018.
- Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 08/2018 đến nay.

Ông Nguyễn Đình An

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn**

- Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Đại học Staffordshire, Anh Quốc
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

❖ **Kinh nghiệm làm việc**

- Hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, Tập đoàn Bảo Việt từ 11/2016 đến 01/2017.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 1/2017 tới nay.
- Quyền Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 2/2017 tới tháng 7/2018.
- Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 7/2018 tới 10/2024.
- Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Ông Nguyễn Thừa Nhật

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế Đầu tư – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật – văn bằng 2 – Đại học Luật Hà Nội.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng tài chính.
- Giám đốc điều hành, phụ trách Khối Pháp chế và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính từ tháng 11/2019 đến tháng 09/2020.
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính từ tháng

09/2020.

- Phó Giám đốc Khối Hoạt động – Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 01/2024 đến 09/2024.
- Quyền Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 10/2024 tới nay.

1.4. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Nguyễn Thừa Nhật

Quyền Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại phần trên

1.5. Giới thiệu về Quản lý danh mục

Ông Nguyễn Đức Lương

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ – Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có hơn 07 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư của quỹ đầu tư.
- Chuyên viên đầu tư quỹ Asiavantage Global Limited từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2014.
- Chuyên viên thẩm định và đầu tư dự án, Ban Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 02/2015 đến tháng 08/2015.
- Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến nay

Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Cử nhân Ngân hàng Tài chính– Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ – Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Chuyên gia phân tích tài chính (CFA)

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư.
- Giám đốc đầu tư Lãi suất cố định – Công ty TNHH

Quản lý quỹ Bảo Việt từ 7/2010 đến 8/2015.

- Giám đốc phân tích – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ 8/2015 đến 9/2016.
- Giám đốc đầu tư – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ 9/2016 đến 5/2018.
- Giám đốc phân tích – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ 5/2018 đến 4/2021.
- Quản lý danh mục – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ 05/2021 đến nay.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

2.1. Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.

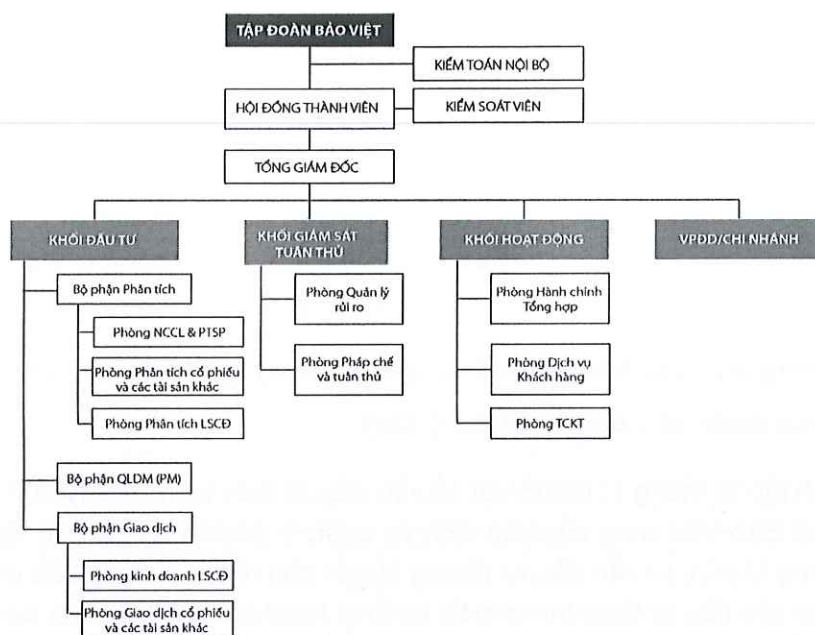
Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường. Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Do đó, tổng tài sản quản lý của công ty có mức tăng bình quân là trên 18,3%/năm. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt khoảng 125.284 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty đang quản lý 06 danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thị trường, 03 quỹ mở, 01 quỹ ETF và 01 quỹ thành viên. Các quỹ mở của Công ty là các quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức nhận lệnh điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng khi tham gia đầu tư.

BAO VIET FUND

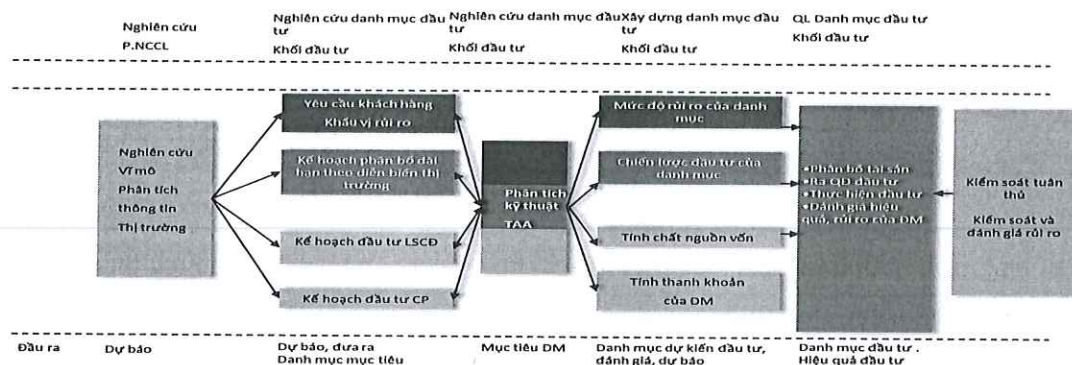
- Là một trong 3 trụ cột của Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện các hoạt động đầu tư từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm cho các đơn vị thành viên.
- Là một nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và chủ động trên thị trường, đặc biệt với hoạt động đầu tư trái phiếu.
- Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước.
- Mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.
- Các quy định, quy trình cho mọi hoạt động đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp yêu cầu và thực tế của thị trường Việt Nam.
- Nhân sự chất lượng cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

So với các công ty quản lý quỹ đang hoạt động trên thị trường Việt Nam, Công ty có các ưu điểm đã được khẳng định như sau:



- *Mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng:*
- *Nhân sự chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm:*
 - Số năm kinh nghiệm bình quân của cán bộ là trên 15 năm.
 - Hơn 46% cán bộ là thạc sỹ các chuyên ngành liên quan.
 - 12,5% cán bộ đạt chứng chỉ CFA.
- *Hoạt động đầu tư được vận hành hiệu quả:*
 - Điều hành danh mục do các cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng tốt và am hiểu thị trường.
 - Hạn mức, mục tiêu và tiêu chí đầu tư được thiết lập rõ ràng trên cơ sở thống nhất với khách hàng nên các kỷ luật đầu tư được thực hiện nghiêm túc.
 - Các quy định, quy trình, hướng dẫn đầu tư được thiết lập đầy đủ. Cán bộ quản lý các danh mục luôn được hỗ trợ đầy đủ bởi các báo cáo, thông tin cung cấp từ bộ phận phân tích, giao dịch để đảm bảo công tác điều hành danh mục được thực hiện một cách có hiệu quả.
 - Các mô hình áp dụng cho công tác phân tích, định giá, xếp hạng tín nhiệm, hỗ trợ công tác ra các quyết định đầu tư được xây dựng đầy đủ.

Kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ thực hiện việc kiểm soát trước, trong và sau giao dịch, đảm bảo tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư. Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư được thực hiện độc lập với Khối Đầu tư theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, mẫu biểu thống nhất với khách hàng.



2.2. Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:

Với những nền tảng được xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là khoảng 125.284 tỷ đồng và là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường
- TSLNST/VĐL trong giai đoạn 5 năm trung bình đạt 48,2%.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	111,01	104,67	105,95	123,56	142,89
Doanh thu từ hoạt động tài chính	7,6	8,9	9,1	9,1	14,4
Lợi nhuận trước thuế	50,6	49,4	49,7	64,7	80,0
Lợi nhuận sau thuế	40,5	42,3	42,8	51,7	63,9

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai

2.3. Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý

2.3.1. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)

Thông tin chi tiết tại Bản Cáo bạch này.

2.3.2. Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu

hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định mới “room” và đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Chiến lược đầu tư của BVIF là tham gia các đợt IPO cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mua/bán tái cấu trúc doanh nghiệp, các đợt thoái vốn ngoài ngành... với định hướng trở thành cổ đông lớn để có thể cùng tham gia vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị gia tăng. Bên cạnh việc đầu tư vào các doanh nghiệp, BVIF sẽ đầu tư linh hoạt vào các tài sản khác tùy theo điều kiện thị trường nhằm tăng hiệu quả cho Quỹ, tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên tham gia góp vốn.

2.3.3. Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)

Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Việt được thành lập vào tháng 04/2016 dưới dạng quỹ mở, tập trung đầu tư vào các loại tài sản có độ an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có độ tín nhiệm cao, tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản đầu tư lãi suất cố định khác. Nhà đầu tư mục tiêu của Quỹ BVBF là các nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro thấp, có xu hướng tìm kiếm một kênh đầu tư an toàn, ổn định. Quỹ BVBF là sản phẩm quỹ mở thứ hai của BVF và nằm trong kế hoạch phát triển chuỗi sản phẩm quỹ đầu tư công chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

2.3.4. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt (BVPF)

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF) được thành lập vào tháng 12/2016 dưới dạng quỹ mở, hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam. Quỹ phù hợp với nhà đầu tư mong muốn và đạt được lợi nhuận tối ưu trong trung hạn và dài hạn. Trong khi đó, rủi ro được hạn chế nhờ vào chiến lược đa dạng hóa tài sản đầu tư.

Lưu ý: các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

2.3.5. Quỹ hoán đổi danh mục ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND)

Quỹ hoán đổi danh mục ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND) được thành lập vào tháng 06/2023 và chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) vào ngày 11/08/2023. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN Diamond – Chỉ số Kim cương Việt Nam với rủi ro cổ phiếu đầu ngành và mức tăng trưởng vượt trội so với các chỉ số còn lại như VN30, VN-Index.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười bảy(17) ngày 02/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Quyết định hoạt động 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày

- lưu ký: 02/05/2003
- Trụ sở đăng ký: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: (84-24) 9343137
 - Fax: (84-24) 8241395/9360049/8251322
 - Lĩnh vực hoạt động chính:
 - (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ;
 - (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện.
 - (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ:

Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này. *Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập nhau.*

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
- Trụ sở đăng ký: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3 9747113
- Fax: (84-24) 3 9747120
- Hoạt động ủy quyền: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.**

- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

- Tên giao dịch:

- o **Bằng tiếng Việt** **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
- o **Bằng tiếng Anh** **Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund**
- o **Tên viết tắt** **BVFED**

- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.**

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán: Số 50/GCN-UBCK ngày 07/10/2013 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ: Số 08/GCN-UBCK ngày 08/01/2014.

2. Điều lệ quỹ cập nhật

2.1. Các điều khoản chung

2.1.1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.**

- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

- Tên giao dịch:

- o **Bằng tiếng Việt** **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
- o **Bằng tiếng Anh** **Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund**
- o **Tên viết tắt** **BVFED**

- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt,**

Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

2.1.2. Thời hạn hoạt động của Quỹ:

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

2.1.3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Quỹ.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường

xuân của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

4. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

2.1.4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 71.247.586.800 (*Bảy mươi một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng. Số vốn này được chia thành 7.124.758,68 chứng chỉ quỹ với mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (*Mười nghìn*) đồng.
2. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.1.5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

2.1.6. Công ty Quản lý Quỹ

Tên công ty:	- Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt - Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. - Viết tắt: BVF
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
Trụ sở chính:	Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
Điện thoại	(84-24) 3 928 9589
Fax	(84-24) 3 928 9590
Địa chỉ VPĐD	Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

2.1.7. Ngân hàng Giám sát

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Giấy phép hoạt động: 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (15) ngày 14/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Quyết định hoạt động lưu ký: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003

Trụ sở đăng ký: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 9343137

Fax: (84-24) 8241395/9360049/8251322

2.1.8. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư cho Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ quy định cụ thể trong bản cáo bạch.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho Nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

1. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Với chiến lược đầu tư như trên, Quỹ sẽ tập trung vào loại các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo việc điều chỉnh cơ cấu của danh mục đầu tư được thực hiện một cách chính xác và kịp thời.
2. Chiến lược đầu tư của quỹ được thực hiện theo các bước như sau:
 - i. Đánh giá về sự vận động tương đối giữa thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định dựa trên các chỉ định tính và định lượng như: Chu kỳ phát triển của nền kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề chủ đạo trong nền kinh tế, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, mức độ phát triển “nóng” hoặc “lạnh” của từng thị trường thông qua các chỉ số định giá, phân tích kỹ thuật...
 - ii. Xác định tỷ trọng tối ưu của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ vào kết quả nhận định thị trường và mục tiêu đầu tư của Quỹ.

3. Cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)
1. Cổ phiếu (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
- <i>Phần cơ sở:</i> (i) Rổ cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Hạn chế đầu tư); (ii) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro - <i>Phần gia tăng:</i> (i) Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... (ii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng. (iii) chứng chỉ quỹ đại chúng. Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản. Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa Phần cơ sở và Phần gia tăng trong danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của Phần gia tăng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.	Tối đa 100%
2. Các tài sản có lãi suất cố định (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. - Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;	Tối đa 80%
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan.	Tối đa 49% (trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát)
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ	

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lưu ý: Cơ cấu thực tế của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được xác định dựa vào chiến lược đầu tư và các hạn chế đầu tư của Quỹ.

4. Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề theo quy định pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh tại Việt Nam.

2.2.3. Các hạn chế đầu tư

1. Việc đầu tư vào các Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - b) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
2. Ngoài quy định về cơ cấu tài sản của Quỹ theo Chiến lược đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - a) Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản bao gồm (i) Tiền gửi, (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chứng chỉ quỹ đại chúng (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan
 - b) Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.;
 - c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của chính phủ;
 - d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản bao gồm: Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

- e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó hạng mục đầu tư lớn là hạng mục đầu vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ và g khoản 2, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó.
- h) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác do công ty quản lý khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
- Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
3. Trường hợp quy định tại Điểm f, g, i, j Khoản 2, 2.2.3 này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép vượt mức so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 2, 2.2.3 này do các nguyên nhân sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3, 2.2.3 này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh và có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu

tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

7. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.

2.2.4. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) Công cụ nợ của chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Công cụ nợ của chính phủ.

2.2.5. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng: công ty Quản lý Quỹ chủ động thực hiện đầu tư các tài sản này trên cơ sở danh sách và hạn mức đầu tư tiền gửi (nếu có) tại các ngân hàng thương mại được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản có thu nhập cố định là Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp:

Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu, tính thanh khoản, rủi ro tín dụng...

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là cổ phiếu:
 - a) Đối với Phần cơ sở: Quỹ sẽ đầu tư vào Rổ cổ phiếu VN30 theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Quỹ. Khi Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo điều chỉnh cơ cấu của các cổ phiếu trong chỉ số VN30, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành điều chỉnh danh mục cổ phiếu của Quỹ để đảm bảo phù hợp với thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày điều chỉnh chính thức có hiệu lực.
 - b) Đối với Phần gia tăng: Các cổ phiếu được lựa chọn trên cơ sở đánh giá những yếu

tổ cơ bản của doanh nghiệp như tiềm năng phát triển của ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; vị trí, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; cơ cấu tài sản, nguồn vốn; chính sách chi trả cổ tức... Ngoài các yếu tố kể trên, các cổ phiếu còn phải đáp ứng được tiêu chí thanh khoản của Công ty Quản lý quỹ.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán:

Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng chỉ quỹ đại chúng: Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của chứng chỉ quỹ đại chúng, Công ty Quản lý quỹ sẽ lựa chọn chứng chỉ quỹ đại chúng với các tiêu chí ưu tiên như tính thanh khoản, mức sinh lời, rủi ro biến động giá trị tài sản...

2.2.6. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

1. Nguyên tắc chung:

- a. Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ và công bố tại Bản cáo bạch và là ngày tính toán giá trị tài sản ròng phục vụ công tác báo cáo (đối với trường hợp định giá NAV để thực hiện báo cáo). Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
- b. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật.
- c. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.
- d. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định tại ngày định giá và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định của Phụ lục XXIV ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC.

2. Phương pháp:

- a. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.

- b. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ: *Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ.*
- c. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- d. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán.
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

- g) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
 - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3, 2.3.2 này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2, 2.3.2 này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

2.3.3. Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ *chính*) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ *phụ*) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các thông tin sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ.
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ.
 - c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số giấy chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), số tài khoản hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài).
 - d) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua, ngày thanh toán
 - e) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

2.3.4. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

- 1. Nhà đầu tư có quyền biểu quyết là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện Nhà đầu tư, nhóm Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết của Quỹ vào ngày chốt danh sách cổ đông, được quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư bất thường.
- 2. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các Nhà đầu tư tham dự bằng Thẻ biểu quyết theo số Chứng chỉ Quỹ sở hữu và đại diện. Mỗi Nhà đầu tư được cấp 01 Thẻ biểu quyết, trong đó ghi tên Nhà đầu tư/đại diện được ủy quyền, số Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của Nhà đầu tư có đóng dấu treo của Công ty Quản lý Quỹ.
- 3. Nhà đầu tư có quyền thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết. Cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2.3.5. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

- 1. Quy định chung về giải thể Quỹ

a. Việc giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ;
- Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
- Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bị giải thể, phá sản mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc hợp đồng giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ bị chấm dứt mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ liên tục trong 06 (sáu) tháng;
- Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật.

b. Việc giải thể Quỹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

- a. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- b. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Chia, tách quỹ

a. Điều kiện chia, tách quỹ bao gồm:

- Được Đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách
- Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 108 Luật chứng khoán;
- Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.

b. Việc chia, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án thanh lý, giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho nhà đầu tư được thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể quỹ. Quá thời hạn nêu trên, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản b dưới đây
- b. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của quỹ cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho nhà đầu tư phải đảm bảo:

- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
- Danh mục hoàn trả cho nhà đầu tư phải đầy đủ loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của quỹ;
- Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

2.4.1. Quy trình nhận lệnh bán

1. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lý hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
2. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Quỹ.
3. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai (02) sau dấu phẩy.
4. Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại (\%)}) - \text{Thuế, phí, giá dịch vụ phát sinh}$$

(nếu có)

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên một (01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước..
6. Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.

7. Lưu ý: Các chi phí, giá dịch vụ và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.
8. Thời hạn thanh toán là không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Điều lệ Quỹ.
9. Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
 - ii. Được Nhà đầu tư (*bên nhận chuyển giao*) chấp thuận bằng văn bản;
 - iii. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
 - iv. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ;
 - v. Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
10. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (9) nói trên.

2.4.2. Quy trình nhận lệnh mua

1. Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - i. Chuyển khoản;
 - ii. Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát;
 - iii. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch (nếu có);

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ của Đại lý ký danh mở tại ngân hàng giám sát.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.
2. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
3. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành} (\%))}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

4. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

2.4.3. Quy trình nhận lệnh chuyển đổi

1. Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
2. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - i. Lệnh bán đổi với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - iii. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

2.4.4. Hủy lệnh giao dịch

1. Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh (việc hủy lệnh phải thực hiện bằng hình thức văn bản gửi đến Đại lý phân phối hoặc thực hiện trên hệ thống giao dịch điện tử của Đại lý phân phối).
2. Các trường hợp lệnh giao dịch không hợp lệ trong ngày T:
 - a) Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - b) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối);
 - c) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Điều lệ quỹ;
 - d) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy

định của Đại lý chuyển nhượng.

- e) Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.

2.4.5. Hoàn trả tiền

1. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
2. Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có) trừ trường hợp quy định tại khoản 3 dưới đây.
3. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí, giá dịch vụ phát sinh (nếu có).
4. Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

2.4.6. Chương trình đầu tư định kỳ

1. Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
2. Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

2.4.7. Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Trường hợp lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi được thực hiện một phần theo quy

định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ phần giá trị thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản. Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, 2.4.7, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, 2.4.7, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)} - 50 \text{ tỷ đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

(*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng giá dịch vụ phát hành

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, 2.4.7, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ

1. Xác định giá trị tài sản ròng

- Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ và công bố tại Bản cáo bạch và là ngày tính toán giá trị tài sản ròng phục vụ công tác báo cáo (đối với trường hợp định giá NAV để thực hiện báo cáo). Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.
- Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định tại ngày định giá và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định của Phụ lục XXIV ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
- Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:

Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ.

- Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ

Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.5.2. Hình thức công bố thông tin về giá giao dịch:

1. Giá giao dịch được công bố tại Điều lệ và Bản cáo bạch của quỹ
2. Nơi công bố thông tin: Điều lệ và Bản cáo bạch được công bố chính thức trên website Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt www.baovietfund.com.vn và cổng thông tin điện tử của UBCKNN.
3. Tần suất công bố thông tin: theo số lần sửa đổi, bổ sung Điều lệ - Bản cáo bạch quỹ

2.5.3. Thông tin về các mức giá dịch vụ:

1. Giá dịch vụ phát hành:
 - a. Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính giá dịch vụ .
 - b. Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
2. Giá dịch vụ mua lại:
 - a. Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
 - b. Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các *Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.*
3. Giá dịch vụ chuyển đổi: Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
 - a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có), không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm này.
 - b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.
4. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

2.6.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

1. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.

2. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ là 1,0%/năm (Một phần trăm một năm) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số giá dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính giá dịch vụ cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Giá dịch vụ phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

3. Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.
4. Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định của pháp luật.

2.6.2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá
2. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
3. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 Điều lệ Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ lưu ký/giám sát = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá

* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

- Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho Quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

- Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp luật hiện hành.

- Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng công ty lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

4. Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

2.6.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

1. Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.
2. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 Điều lệ Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

4. Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

2.6.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

1. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng để thực hiện nhiệm vụ đại lý chuyển nhượng cho quỹ.
2. Biểu phí quy định giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định tại Phụ lục số 5 của Điều lệ Quỹ.

2.6.5. Các chi phí khác phù hợp với quy định pháp luật

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
2. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ.
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho thành viên góp vốn; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
5. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
6. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phương pháp xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ

1. Lợi tức phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng

kết việc phân chia lợi tức quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- i. Phương pháp phân chia lợi tức (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
- ii. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- iii. Giá trị lợi tức được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
- iv. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- v. Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2.7.2. Chính sách thuế

1. Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.
2. Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:
 - i. Thuế áp dụng đối với Quỹ.
 - ii. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.
- Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (*năm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (*năm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (*không phải một phần trăm*) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.

- iii. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư.

2.8. Đại hội Nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng

tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ trường hợp quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Điều lệ Quỹ.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
6. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 2.8.1, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 2.8.1, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.8.2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính,

báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;

6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

2.8.3. Thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định của Pháp luật.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1, 2.8.3 cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - a. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa bao gồm: (i) tham dự hội nghị trực tuyến (bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử), (ii) bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật, (iii) gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
 - c. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - d. Trong trường hợp tổ chức dưới hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc theo nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư phù hợp với nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - i. Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại và gửi đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến. Việc lập danh sách Nhà đầu tư gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định lập danh sách Nhà đầu tư tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư: gửi

thư, thư điện tử, fax hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật

ii. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Thông tin của Nhà đầu tư, Số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu và số quyền biểu quyết của Nhà đầu tư;
- Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Người đại diện Công ty Quản lý quỹ.

iii. Công ty Quản lý quỹ gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 07 ngày làm việc (*bảy ngày làm việc*) trước ngày gửi Phiếu hỏi ý kiến nhà đầu tư.

iv. Nhà đầu tư có thể gửi phiếu hỏi ý kiến đã trả lời đến Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư: Phiếu hỏi ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư. Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật tới thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu hỏi ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

v. Công ty Quản lý quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập Ban kiểm phiếu dưới sự chứng kiến đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua

- Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ.
- Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và Ủy Ban chứng khoán nhà nước trong vòng 24h (hai mươi tư giờ) kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

vi. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ.

vii. Trong trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
2. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23, Điều lệ quỹ.
3. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23, Điều lệ quỹ. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp.
4. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
5. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

2.9. Ban Đại diện Quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban Đại diện Quỹ

Ông Phạm Mạnh Tường

Chủ tịch Ban Đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân chuyên ngành Thuế, Kế toán và Tài chính doanh nghiệp - học viện Tài chính
- Cử nhân đại học – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- CFA level I.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

- Được đào tạo chuyên sâu và trải qua nhiều vị trí liên quan tới lĩnh vực Tài chính, Kế Toán
- Phó Trưởng ban Đầu tư – Khối Chiến lược và Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 04/2016 đến nay.

Ông Nguyễn Anh Đức

Thành viên Ban Đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Luật kinh tế – Viện Đại học

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực luật, có nhiều kinh nghiệm về luật kinh tế, đầu tư, chứng khoán.
- Phó Giám đốc Ban đầu tư – Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam từ 8/2008 đến nay

Ông Nguyễn Cảnh Dương

Thành viên Ban Đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính.
- Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán – Bộ Tài chính

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
- Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA.

Bà Lưu Thị Hải Ninh

Thành viên Ban đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại Thương

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Chuyên viên Phòng Đầu tư - Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 10/2019 – nay.
- Chuyên viên/ Kiểm soát viên nội bộ – Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI từ 2010-2019.

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:

- a) Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được đề cử tại Đại hội Nhà đầu tư.
- b) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và

Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

- c) Chủ tịch và Phó chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.
- 2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng cho Quỹ.
3. Chấp thuận các giao dịch tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ.
4. Lựa chọn công ty kiểm toán trên cơ sở ủy quyền từ đại hội nhà đầu tư gần nhất và đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán hợp lệ từ Công ty quản lý quỹ.
5. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
6. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 tại Điều 23 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
7. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.
9. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Đại hội nhà đầu tư, pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

2.9.4. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện.

2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Công ty Quản lý quỹ hoặc Ban đại diện phải thực hiện triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được triệu tập họp bất thường trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.
 - Số lượng thành viên độc lập của Ban đại diện giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tối thiểu 2/3 số thành viên độc lập.
 - Trừ trường hợp quy định tại 2 điểm nêu trên, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên Ban đại diện mới thay thế thành viên Ban đại diện đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.9.7. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

2.9.8. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu trữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.

2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
- d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
- e) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại 2.10.2;
- g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;

- h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
- i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí, giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
- k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
- m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát
- n) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).
- b) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.
- c) Được hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn đầu tư chứng khoán cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.
- d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;

- e) Quỹ hết thời hạn hoạt động.
2. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1, 2.10.3.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của quỹ. Thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên làm việc tại công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý ngoại trừ việc sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác, quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ khác mà mình quản lý.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý
4. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định tại Điều lệ quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
7. Công ty quản lý quỹ không được nhận thưởng hoạt động đối với quỹ mở.
8. Công ty quản lý quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng giá dịch vụ và rủi ro không hợp lý cho quỹ.
9. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

2.11.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
 - e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
 - j) Thanh toán những khoản chi phí, giá dịch vụ hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí, giá dịch vụ đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
 - k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
 - l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
 - m) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.
2. Quyền của Ngân hàng Giám sát
- a) Hưởng giá dịch vụ như được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;

- b) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà đầu tư
- c) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- d) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
- e) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
- f) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí, giá dịch vụ.
- g) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ hết thời hạn hoạt động, bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ.
2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - c) Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.
3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCKNN.

2.12.2. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2.12.3. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.4. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và cập nhật trên trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

2.12.5. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của các yếu tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh... làm ảnh hưởng bất lợi đến thị trường cổ phiếu, thị trường lãi suất cố định nói chung và các khoản đầu tư của Quỹ nói riêng.

3.2. Rủi ro lãi suất

Là rủi ro phát sinh khi lãi suất thị trường tăng/giảm và làm giảm giá trị của khoản đầu tư/ảnh hưởng đến cơ hội tái đầu tư dòng tiền của danh mục. Đối với danh mục đầu tư, rủi ro lãi suất phát sinh đối với trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định.

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thiếu tính thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.

3.5. Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi hoạt động đầu tư của Quỹ bị ảnh hưởng bởi các thay

đổi về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.6. Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro về xếp hạng như doanh nghiệp giảm hạng so với năm trước, khiến giá trị của doanh nghiệp giảm, cổ phiếu xuống giá hoặc khi khả năng kinh doanh, tín dụng của công ty thấp dẫn đến khả năng đáp ứng các khoản nợ của công ty thấp gây tổn hại đến lợi nhuận thu được của trái chủ.

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích

Là rủi ro phát sinh khi có xung đột nhất định về lợi ích giữa danh mục tự doanh của công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư, danh mục ủy thác, giữa lợi ích của cá nhân cán bộ thực hiện đầu tư và các danh mục đang quản lý trong việc tìm kiếm lợi nhuận/cơ hội đầu tư.

3.8. Rủi ro đối với tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi)

Rủi ro cổ phiếu: Mỗi doanh nghiệp tương ứng với mỗi cổ phiếu của doanh nghiệp đó thường có xu hướng đi theo đà phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi từ cổ tức, tăng giá cổ phiếu từ các doanh nghiệp có mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận đều đặn, tình hình vay nợ, sử dụng vốn ổn định trong khi các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, nợ xấu với ngân hàng, sử dụng vốn thiếu hiệu quả sẽ làm giảm sức hút của cổ phiếu.

Rủi ro trái phiếu bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro lạm phát, rủi ro tín dụng tín nhiệm và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tiền gửi bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro lạm phát và rủi ro tín dụng tín nhiệm.

3.9. Rủi ro cá biệt

Rủi ro do chiến lược đầu tư là rủi ro phát sinh do tỷ trọng các lớp tài sản của Quỹ không được điều chỉnh kịp thời dẫn tới tỷ suất lợi nhuận của Quỹ không đáp ứng được Mục tiêu đầu tư.

3.10. Rủi ro khác

Là những rủi ro tiềm ẩn khác có thể phát sinh mà không bao gồm trong danh sách trên.

4. Các thông tin đầu tư khác (tham khảo chi tiết tại Điều lệ và website)

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/10/2013.

1.2. Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2014.

2. Phương án phát hành lần đầu

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)
Loại hình	Quỹ mở
Thời hạn của Quỹ	Không giới hạn

Mục tiêu đầu tư	Tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư												
Kiểm soát rủi ro đầu tư	Ngân hàng Giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ căn cứ vào chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này												
Cơ cấu đầu tư:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tài sản</th><th>Tỷ trọng (%)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cổ phiếu</td><td></td></tr> <tr> <td>- Rổ cổ phiếu VN30</td><td>Tối đa 95%</td></tr> <tr> <td>2. Lãi suất cố định</td><td></td></tr> <tr> <td>- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.</td><td>Tối đa 80%</td></tr> <tr> <td>- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng.</td><td>Tối đa 49%</td></tr> </tbody> </table> (*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ	Tài sản	Tỷ trọng (%)	1. Cổ phiếu		- Rổ cổ phiếu VN30	Tối đa 95%	2. Lãi suất cố định		- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.	Tối đa 80%	- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng.	Tối đa 49%
Tài sản	Tỷ trọng (%)												
1. Cổ phiếu													
- Rổ cổ phiếu VN30	Tối đa 95%												
2. Lãi suất cố định													
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.	Tối đa 80%												
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng.	Tối đa 49%												
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đơn vị quỹ												
Thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ	Từ 18/11/2013 đến 18/12/2013 Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt phát hành lần đầu sớm hơn khoảng thời gian nêu trên nếu các điều kiện sau đây được thỏa mãn đồng thời: - Tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng; - Thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày kể từ ngày đăng ký mua đầu tiên; - Có tối thiểu 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chuyên nghiệp đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ;												
Mệnh giá	10.000 VNĐ												

Giá dịch vụ phát hành	0 VNĐ
Giá phát hành	10.000 VNĐ
Đơn vị tiền tệ	VNĐ
Giá trị mua tối thiểu	2.000.000 đồng tương đương 200 Chứng chỉ Quỹ
Phương thức đăng ký mua	a. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản cáo bạch này. b. Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. <i>Lưu ý: Do Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua Đại lý phân phối ký danh, tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ là tài khoản Nhà đầu tư đứng tên chủ sở hữu (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);</i> c. Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản phong tỏa của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát trong thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ. d. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. e. Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản phong tỏa hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.
Phương thức phân bổ Chứng chỉ Quỹ lần đầu:	Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân bổ cho Nhà đầu tư = Tổng số tiền đặt mua hợp lệ / Giá phát hành
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)
Trường hợp phát hành Chứng chỉ Quỹ không	Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), Công ty

thành công	Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất (nếu có), khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây: a. Có ít hơn 100 (một trăm) Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ; b. Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt - Phòng giao dịch hội sở: Tầng 1, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội - Phòng giao dịch chi nhánh: Số 11, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành	- Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt; - Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt; - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu

3.1. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

Thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu	Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)								
Ngày giao dịch	Tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T).								
Giá bán	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ								
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch – Giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ								
Giá dịch vụ phát hành	<table> <tr> <th>Số tiền đăng ký mua hợp lệ</th><th>Mức phí</th></tr> <tr> <td>Nhỏ hơn 02 tỷ đồng</td><td>Tối đa 2%</td></tr> <tr> <td>Từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng</td><td>Tối đa 1%</td></tr> <tr> <td>Từ 05 tỷ đồng trở lên</td><td>Tối đa 0,5%</td></tr> </table> Mức giá dịch vụ phát hành cụ thể được BVF thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF	Số tiền đăng ký mua hợp lệ	Mức phí	Nhỏ hơn 02 tỷ đồng	Tối đa 2%	Từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng	Tối đa 1%	Từ 05 tỷ đồng trở lên	Tối đa 0,5%
Số tiền đăng ký mua hợp lệ	Mức phí								
Nhỏ hơn 02 tỷ đồng	Tối đa 2%								
Từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng	Tối đa 1%								
Từ 05 tỷ đồng trở lên	Tối đa 0,5%								

Giá dịch vụ mua lại	Thời gian nắm giữ	Giá dịch vụ mua lại
	Nhỏ hơn 03 tháng	Tối đa 3%
	Từ 03 tháng đến dưới 06 tháng	Tối đa 2%
	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	Tối đa 1%
	Từ 1 năm trở lên	Miễn phí
	Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn. Mức giá dịch vụ mua lại cụ thể được BVF thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF	
Giá dịch vụ chuyển đổi	Miễn phí	
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	100.000 (một trăm nghìn) đồng	
Số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu	05 (năm) CCQ	
Thời gian đóng sổ lệnh	14h40 (mười bốn giờ bốn mươi phút) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h40 (mười bốn giờ bốn mươi phút) của ngày giao dịch gần nhất trước đó.	
Thời điểm công bố NAV	Ngày T +1	
Thời hạn xác nhận giao dịch	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo	
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Tối đa ngày làm việc T + 5	
Tần suất giao dịch của quỹ	Hàng ngày	
Phương thức giao dịch	Xem Phụ lục 1 Bản cáo bạch này	
Hủy lệnh giao dịch	Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh (việc hủy lệnh phải thực hiện bằng hình thức văn bản gửi đến Đại lý phân phối hoặc thực hiện trên hệ thống giao dịch điện tử của Đại lý phân phối).	

	Các trường hợp lệnh giao dịch không hợp lệ trong ngày T: a) Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh; b) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối); c) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 – Điều lệ quỹ; d) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng. e) Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	Xem Điểm 2.4.7 Phần IX Bản cáo bạch này
Địa điểm và đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

3.2. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) theo đó, Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ. Phương thức đặt lệnh được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản Cáo bạch;
- Nội dung Chương trình đầu tư định kỳ cụ thể như sau:

Thời gian đăng ký	01 năm	02 năm	Trên 02 năm
Kỳ đóng tiền	Tháng	Tháng hoặc Quý	Tháng hoặc Quý
Số tiền tối thiểu	100.000 đồng/tháng	- 100.000 đồng/tháng nếu	- 100.000 đồng/tháng nếu

		lựa chọn đóng tiền theo tháng	lựa chọn đóng tiền theo tháng
		- 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý	- 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý
Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất (ngày Quý nhận được tiền mua từ Nhà đầu tư)	Ngày 15 hàng tháng	- Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý;	- Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý;
Giá dịch vụ mua	Bằng 80% giá dịch vụ mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 70% giá dịch vụ mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 60% giá dịch vụ mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng
Chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ	Chương trình đầu tư định kỳ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây: - Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia; - Kết thúc thời gian đăng ký; - Nhà đầu tư không nộp tiền đúng cam kết về thời gian và/hoặc giá trị từ ba (03) lần trở lên trong thời gian đăng ký; Trường hợp Chương trình đầu tư định kỳ bị chấm dứt trước khi kết thúc thời gian đăng ký, khi bán Chứng chỉ Quỹ mua theo Chương trình đầu tư định kỳ, giá dịch vụ mua lại sẽ tự động tăng thêm đúng bằng phần giá giao dịch được giảm khi mua Chứng chỉ Quỹ. Ví dụ: - Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ trong thời hạn 01 năm với số tiền định kỳ là 100.000 đồng/tháng. - Giá dịch vụ mua Chứng chỉ Quỹ là $0,5\% \times 80\% = 0,4\%$, như vậy phần giá giao dịch được giảm 0,1%. - Giả định Nhà đầu tư chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ trước thời hạn và bán Chứng chỉ quỹ đã mua, giá dịch vụ mua lại sẽ tự động tăng thêm là 0,1%.		

- Việc bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được thực hiện tương tự quy định đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường.

4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

4.1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

Xem Khoản 2.5.1 Phần IX của Bản cáo bạch này

4.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Xem Phụ lục 5 của Bản cáo bạch này

4.3. Công bố giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này

5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư

Xem phụ lục 1 của Báo cáo này

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính năm 2023:

Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)
Cổ phiếu	93,58	95,94	92,06
Chứng khoán khác	-	-	-
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng	1,70	3,85	7,77
Tài sản khác	4,72	0,21	0,17
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng của NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	20,57%	20,57%
- 3 năm	18,45%	5,81%
- Từ khi thành lập	94,89%	6,93%

Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	20,57%	-30,72%	41,81%	14,22%

Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	117.879.946.365	97.972.640.353	140.294.590.547
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (chứng chỉ quỹ)	6.048.257,33	6.060.962,86	6.012.832,07
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	19.489	16.164	23.332
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND)	20.831	24.252	23.893
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VND)	16.615	14.433	16.308
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	20,57%	-30,72%	41,81%
Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	3,14%	-72,95%	4414,05%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Ngày chốt quyền	-	-	-
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,46%	1,42%	1,63%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	31,07%	40,18%	57,85%

► Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong hơn 9 năm từ 2015 đến 2023 như sau:



► Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	Tỷ lệ thay đổi
A	(1)	(2)	(3)=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	117.879.946.365	97.972.640.353	20,32%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	19.489	16.164	20,57%

Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	681	320.145,88	5,29%
Từ 5.000 đến 10.000	10	74.325,98	1,23%
Từ 10.000 đến 50.000	5	96.357,07	1,59%
Từ 50.000 đến 500.000	1	57.428,40	0,95%
Trên 500.000	3	5.500.000,00	90,94%
Tổng cộng	700	6.048.257,33	100,00%

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ:

Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm năm 2023: 130.096,61 CCQ

Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại năm 2023: (142.802,14) CCQ

3. Giá dịch vụ năm 2023:

20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.654.997.107	1.725.780.347
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		1.134.560.580	1.208.365.170
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		133.966.706	131.370.377
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.5	3.4. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		133.100.000	133.100.000
20.7	3.5. Thù lao Ban đại diện, chi phí họp, đại hội Quỹ mở		108.000.000	108.000.000
	Trong đó:			
	- Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ		108.000.000	108.000.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		70.200.000	70.200.000
20.10	3.7. Chi phí hoạt động khác	9	9.169.821	8.744.800

3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng:

Giá dịch vụ quản lý quỹ: 1,0%/năm

Giá dịch vụ quản trị quỹ: không có

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>) - Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi :	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí

5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí
6	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(chưa bao gồm VAT)

3.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký:

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
		0,07%/NAV/Năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng (chưa VAT)	Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát tối thiểu 15.000.000 đồng/ tháng áp dụng với tần suất giao dịch 1 lần 1 tuần. Trong trường hợp tần suất giao dịch tăng lên, mức giá dịch vụ tối thiểu tăng thêm 3.000.000 đồng/ 1 lần giao dịch tăng thêm trong 1 tuần
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 8.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí	Miễn phí	

A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSDC (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
		0.27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng;		
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0.18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp,	Tối đa 2.000.000 đồng/tháng/ mã trái phiếu doanh nghiệp	Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Tối đa không quá 300.000 đồng/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

3.3. Giá dịch vụ khác (kiểm toán, định giá):

Chi phí kiểm toán: 70.200.000 VNĐ

Chi phí hoạt động khác: 9.169.821 VNĐ

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ năm 2021 – 2021 - 2023 lần lượt là: 1,63%; 1,42% và 1,46%

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ:

Tốc độ vòng quay danh mục năm 2021 -2022 -2023 lần lượt là 57,90%; 40,18% và 31,07%

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ:

Thu nhập của Quỹ bao gồm: cổ tức được chia, tiền lãi được nhận, các khoản lỗ/ lãi bán các khoản đầu tư, chênh lệch tăng/ giảm, đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện.

Quỹ không có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ: không có

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

- a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - b. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề Quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

- 1.1. Trong vòng tối đa 01 (một) ngày kể từ ngày định giá (không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 1.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thống kê giao dịch, số dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.
- 1.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
- a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - b. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - c. Báo cáo thống kê về phí, giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - d. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.
- 1.4. Các tài liệu quy định tại điểm 1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố không muộn quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 1.5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro

sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

2.1. Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
- b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
- d. Báo cáo thống kê về phí, giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;

2.2. Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.

2.3. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 9289 590
- Website: <http://www.baovietfund.com.vn>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1: Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ BVFED
2. Phụ lục 2: Các mẫu phiếu đăng ký mua/ bán, giao dịch chứng chỉ quỹ BVFED
3. Phụ lục 3: Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ_Nơi Bản cáo bạch được cung cấp
4. Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ

- 5. Phụ lục 5: Biểu giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền
- 6. Phụ lục 6: Điều lệ quỹ đầu tư

Ngân hàng lưu ký – giám sát



Võ Tri Thanh

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt



Nguyễn Thừa Nhật

Phụ lục 1. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch

Chứng chỉ Quỹ BVFED

I. Mở/đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ và thủ tục đăng ký mở/đóng/thay đổi thông tin Tài khoản giao dịch, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản. Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư hoàn thiện HSDKMTK và chuyển cho Đại lý phân phối.
 - (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của HSDKMTK theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng quy định, Đại lý phân phối chuyển các thông tin tại HSDKMTK cho Đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.
 - (3) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được HSDKMTK đầy đủ, hợp lệ, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

II. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

2.2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường:

- Ngày giao dịch: tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 100.000 đồng/lệnh mua;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản.
- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

- Chuyển khoản;
 - Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo (nếu có);
- Hướng dẫn đầu tư sẽ được công bố trên website của Công ty quản lý Quỹ.
 - Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ;
 - (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (3) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hiện hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (4) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản tiền của Quỹ. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (5) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Giá dịch vụ phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

- (6) Nếu phát sinh các trường hợp phải hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ, thời gian hoàn trả tiền là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch;

2.2.2 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP):

- Thời gian tham gia, Số tiền đặt mua, Kỳ nộp tiền...theo đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Nhà đầu tư;
- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;

- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo (nếu có);
- Hướng dẫn đầu tư sẽ được công bố trên website của Công ty quản lý Quỹ.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ tại Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - (2) Tùy thuộc vào Chương trình đầu tư định kỳ đã đăng ký, Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ trước thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất tương ứng;
 - (3) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Giá dịch vụ phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

2.2 Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Ngày giao dịch: tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Không yêu cầu duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư;
- Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư sau khi thực hiện giao dịch thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:

- (1) Nhà đầu tư đặt lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
- (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh bán đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
- (4) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

Giá trị Bán được nhận = Số lượng CCQ được mua lại x NAV/CCQ x [1– Giá dịch vụ mua lại(%)]

- (5) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch, tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được chuyển vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu của Nhà đầu tư;

2.3 Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- Ngày giao dịch: tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h40 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh giao dịch, trong trường hợp điều chỉnh số Chứng chỉ Quỹ đặt lệnh chuyển đổi tối thiểu, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin trên website của Công ty và các Đại lý phân phối;
- Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- Lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu chỉ được thực hiện tại ngày giao dịch tương ứng sau khi tiền bán chứng chỉ quỹ (lệnh bán có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần) đã được chuyển vào tài khoản của quỹ mục tiêu;

- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*
- Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư sau khi thực hiện lệnh thấp hơn số Chứng chỉ quỹ tối thiểu thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh chuyển đổi đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (4) Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch của quỹ mục tiêu, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

Phụ lục 2. Các mẫu phiếu đăng ký mua, bán, giao dịch chứng chỉ quỹ BVFED

Tất cả các mẫu Tổng hợp thông tin nhận biết nhà đầu tư, Phiếu đăng ký tài khoản và giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được các Đại lý phân phối tự thiết kế và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mẫu phiếu lệnh sẽ bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

MẪU PHIẾU LỆNH

Kính gửi: Đại lý phân phối (tên đại lý phân phối)

1	Phần dành cho nhà đầu tư			
Họ và tên nhà đầu tư:			Số tài khoản:	
Số Giấy CMND/CCCD:			Nơi, ngày cấp:	
Loại tài khoản: Nhà đầu tư ☐ Đại lý phân phối ☐				
Loại lệnh: MUA ☐				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh: BÁN ☐				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ BÁN				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh: CHUYỂN ĐỔI QUỸ ☐				
Từ quỹ (tên của quỹ) sang quỹ (tên của quỹ mục tiêu)				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI:				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	

	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH/YÊU CẦU MUA ☐ BÁN ☐				
Quý	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA HÀNG THÁNG				
Quý	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Hình thức thanh toán				
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐				
Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)				
Điện thoại nhà riêng:				
Điện thoại nơi làm việc:				
Điện thoại di động:				
Thư điện tử:				
Tài khoản tiền gửi tại ngân hàng:				
Số tài khoản ngân hàng:				
Người quản lý tài khoản:				
Nhà đầu tư (Ký, ghi rõ họ, tên)		Nhân viên của Đại lý phân phối (Ký, ghi rõ họ, tên)		
Ngày.... tháng ... năm		Ngày.... tháng ... năm		
Các văn bản thỏa thuận và các ủy quyền đi kèm				
2	Phần dành cho đại lý phân phối			
Thời điểm nhận lệnh	Nhân viên nhận lệnh		Nhân viên kiểm soát	

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ - ĐỊA ĐIỂM NƠI BÀN CÁO BẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP

Stt	Đại lý phân phối	Địa điểm phân phối
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Website: http://www.baovietfund.com.vn/	Trụ sở chính: - Địa chỉ: Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; - Số điện thoại: (84-24) 3 928 9589
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Website: http://www.bvsc.com.vn	Phòng giao dịch hội sở: - Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội;; - Số điện thoại: (84-24) 3928 8080 Phòng giao dịch Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: - Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh; - Số điện thoại: (84-28) 3 821 8564
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản Website: https://www.japan-sec.vn	Trụ sở chính: - Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội. - Số điện thoại: (84-24) 3 7911818
4	Công ty Cổ phần Fincorp	Trụ sở chính: - 4A/167A Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. - Số điện thoại: (84-28) 3 636 1079
5	Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset Website: https://www.masvn.com/	Trụ sở chính: - Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh Chi nhánh Sài Gòn - Tầng 16, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Stt	Đại lý phân phối	Địa điểm phân phối
6	Công ty Cổ phần chứng khoán Vina	Trụ sở chính: - Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Kim Mã, Quận Ba Đình, tp.Hà Nội. - Số điện thoại: (84-24) 66878996
7	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	Trụ sở chính: - Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - ĐT: (84-28) 6 299 8000 Chi nhánh Hà Nội - Tầng 2, Tòa nhà Leadvisors, Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. - ĐT: (84-28) 6 299 8000
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Trụ sở chính: - Tầng 1 đến tầng 8, Tòa nhà Việt Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. - ĐT: (84-28) 6 299 2006 - Fax: (84-28) 6 291 7986

Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED

A – Giá trị tài sản

Stt	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
3	Tín phiếu kho bạc, Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
4	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
6	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		

7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc

		+ Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
Các tài sản khác		
14	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (Book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/ Bloomberg/ VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

Stt	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng x khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của 1 vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên 1 điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các Hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản,

hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Phụ lục 5. Giá dịch vụ lưu ký giám sát và Giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền

1. Giá dịch vụ Lưu ký và Giám sát

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
		0,07%/NAV/Năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng (chưa VAT)	Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát tối thiểu 15.000.000 đồng/ tháng áp dụng với tần suất giao dịch 1 lần 1 tuần. Trong trường hợp tần suất giao dịch tăng lên, mức giá dịch vụ tối thiểu tăng thêm 3.000.000 đồng/ 1 lần giao dịch tăng thêm trong 1 tuần
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 8.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí	Miễn phí	
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSDC (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0.27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng;		Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng
		0.18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp,	Tối đa 2.000.000 đồng/tháng/ mã trái phiếu doanh nghiệp	

A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Tối đa không quá 300.000 đồng/lần chuyển khoản/mã chứng khoán
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể	

2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức giá dịch vụ như sau:

- Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi :	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí

5	Tiền cung cấp thông tin	Miễn phí
	- Thông tin giao dịch hàng ngày	
	- Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch	
	- Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	
6	- Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí
	Tiền thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	
	- Phân phối lợi tức	

(*) Chưa bao gồm thuế VAT. Trường hợp giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng của VSDC có thay đổi theo biểu giá của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ hoặc điều chỉnh giảm, mức giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng.

• **Phí/ Giá dịch vụ khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC theo thực tế phát sinh do VSDC gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

Phụ lục 6: Điều Lệ Quỹ BVFED



